TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2023
V/*v* "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa.
Ông Nguyễn Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/01/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; Thông báo thay đổi lịch phiên tòa ngày 26/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 , giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1980; đia chỉ: Thôn H, xã D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:* Chị và anh Nguyễn Quang H kết hôn ngày 21/6/2002 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị về chung sống cùng anh H và gia đình anh H ngay. Ban đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có

quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị có giàn xếp, khuyên bảo anh H nhiều lần để anh H chấm dứt quan hệ với người phụ nữ khác nhưng anh H không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng nên đến năm 2016 chị và anh H sống ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Quang Thái A, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay cháu Thịnh đã đủ 18 tuổi nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Quang Thái A, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang làm nhân viên cho một tiệm Spa tư nhân, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/01 tháng, đủ điều kiện nuôi dạy con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quang H: Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh H vắng mặt không có lý do.

Ngày 12/5/2023 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên tòa, tại phiên tòa anh Nguyễn Quang H vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của chị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ, bỏ mất quyền của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình để xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

- Con chung: Giao con chung Nguyễn Quang Thái A, sinh ngày 23/02/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Quang H, anh H có nơi cư trú tại Thôn H, xã D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quang H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quang H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng anh H và gia đình anh H ngay. Ban đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị có giàn xếp, khuyên bảo anh H nhiều lần để anh H chấm dứt quan hệ với người phụ nữ khác nhưng anh H không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng nên đến năm 2016 chị và anh H sống ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy: Chị T anh H kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh H làm dâu và sinh sống tại địa phương. Theo địa phương thì ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi xuất khẩu lao động thời gian dài không có nhà,vợ chồng xa nhau lâu, anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Cuối năm 2022 chị T về nước nhưng cũng không về chung sống cùng anh H mà về nhà bố mẹ đẻ chị T sinh sống. Thực tế chị T và anh H đã ly thân từ khoảng năm 2016 đến nay. Anh H đi làm ăn ở thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng cuối tuần vẫn về thăm gia đình, con cái sau đó lại đi ngay, địa chỉ cụ thể chỗ anh H đang làm việc thì địa phương không nắm được. Nay, chị T xin ly hôn anh H địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Hồng T là bố đẻ của anh Nguyễn Quang H, ông T cho biết: Chị T anh H kết hôn năm 2002, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2015 thì vợ chồng chị T anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T đi xuất khẩu lao động nhiều năm không có nhà, vợ chồng xa nhau lâu ngày, anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Anh H đã nhiều lần xin lỗi chị T về việc này nhưng chị T không bỏ qua cho anh H. Cuối năm 2022 chị T đi xuất khẩu lao động về nước nhưng không về nhà ông chung sống cùng anh H mà về nhà bố mẹ đẻ chị T sinh sống. Thực tế vợ chồng anh H, chị T ly thân đã lâu. Anh H hiện nay đang đi làm ở thành phố Hà Nội, cuối tuần anh H vẫn về nhà thăm gia đình và con cái rồi lại đi ngay, ông có hỏi địa chỉ cụ thể của anh H nhưng anh H không cho ông biết nên ông không cung cấp được cho Tòa án. Ông đã giao cho anh H các văn bản tố tụng của Tòa án, anh H nhận được cũng không có ý kiến gì. Nay chị T xin ly hôn anh H, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Quang Thái A, sinh ngày 23/02/2007. Hiện nay cháu Thịnh đã đủ 18 tuổi, chị Thu không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi cháu Thịnh, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Quang Thái A. Nay ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Nguyễn Quang Thái A, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy chị T hiện đang làm nhân viên cho một tiệm Spa tư nhân, thu nhập trung bình 8.000.000 đồng/01 tháng, đủ khả năng nuôi dậy con. Quá trình xác minh, địa phương xác nhận từ khi chị T về nước đến nay thì cháu A ở cùng chị T và ông bà ngoại. Khi chị T đi làm thì có bố mẹ đẻ chị T phụ giúp chị T chăm sóc cháu A nên đời sống của cháu vẫn được đảm bảo. Đồng thời, quá trình làm việc với Tòa án cháu A có nguyện vọng được ở cùng chị T. Về phía anh H thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không có thời gian trực tiếp chăm sóc cháu A. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu A được ổn định và phát triển tốt nhất thì cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu A là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4].Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quang Thái A, sinh ngày 23/02/2007.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009844 ngày 17/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã D, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh